

KT3-00746AKL4/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

06/05/2024
Trang/ Page
01/02

- Phương tiện đo/ Object: **QUẢ CÂN**
WEIGHT
- Nhà sản xuất/ MFR: **VIRTUAL MEASUREMENTS & CONTROL**
- Kiểu/ Type: Không hốc điều chỉnh SN: 30A9554-10AL ID: TB-026
Non adjusting cavity
- Đặc trưng kỹ thuật: Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass : 2 kg
Specifications Số lượng quả/ Quantity of weights : 01 quả
Vật liệu/ Material : Thép không gỉ/ Stainless steel
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**
Customer Phòng 406, Tầng 4, Tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, P. Tương Mai,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**
Place of Calibration 7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Phương pháp hiệu chuẩn: QTHC/ KT3 20:2022
Method of Calibration Weights of accuracy class E2, F1, F2 & M - Calibration Procedure
- Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
KL1112	Standard Weights E2	06/2022	06/2024	LNE-FRANCE

- Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment : $[23,0 \pm 0,5] ^\circ\text{C}$ $[50 \pm 5] \% \text{RH}$ $[1000 \pm 10] \text{ hPa}$
- Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không / No
- Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration : 26/04/2024
- Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label : KT3-00746AKL4/1
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: N/A
Recalibration Date as request of Customer

TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG
HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.

Võ Quốc Khôi

Nguyễn Tấn Tùng



KT3-00746AKL4/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No: DK-03

06/05/2024
Trang/ Page
02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai lệch, <i>Difference</i> mg	Độ KĐBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
2 kg	2 000,001 g	1	3	F1

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.

d. Cấp chính xác được xác định theo mục 5, OIML R 111:2004.

Accuracy class is determined according to Item 5, OIML R 111:2004